TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN CHÂU THÀNH	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH KIÊN GIANG	

Bản án số: 25/ 2017/HNGĐ - ST

Ngày: 31- 8 - 2017

V/v "*Tranh chấp xin ly hôn* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách.**
- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**;

2. Ông **Vũ Văn Hợp**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Lý Văn Toán-** *Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm -** *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2017/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ** sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp An , xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Đức Ng**, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* T***ại đơn khởi kiện ngày 14 - 6 - 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày***: Chị và anh Huỳnh Đức Ng thương nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau chị và anh Ng bắt đầu xảy mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hàng ngày, dù vợ chồng chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên anh chị ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có với nhau 02 người con chung tên **Huỳnh Thái A**, sinh ngày 03 - 09 - 2005 và **Huỳnh Chí Đ**, sinh ngày 07 - 05 - 2008 hiện đang sống với chị. Về tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng chị không có nên không yêu cầu.

Nay chị Đ xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Huỳnh Đức Ng không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt nên chị Đ làm đơn này kính đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết cho chị như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với chồng tên Huỳnh Đức Ng;

- Về quan hệ con chung: Chị Đ xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên **Huỳnh Thái A**, sinh ngày 03- 09 - 2005 và **Huỳnh Chí Đ**, sinh ngày 07 – 05 - 2008, chị Đ không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản tự khai ngày 28 – 6 – 2017 bị đơn anh Huỳnh Đức Ng trình bày:*** Anh và chị Nguyễn Thị Đ thương nhau từ năm 2004 sau đó cả hai người tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng anh sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau anh và chị Đ bắt đầu xảy mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hàng ngày, dù vợ chồng anh đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên anh chị ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có với nhau 02 người con chung tên **Huỳnh Thái A**, sinh ngày 03 – 09 - 2005 và **Huỳnh Chí Đứ**, sinh ngày

07 – 05 - 2008 hiện đang sống với chị Đ. Về tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Đ làm đơn yêu cầu ly hôn với anh gửi đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, thì ý kiến của anh như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, và không muốn con anh sống thiếu tình cảm cha mẹ.

- Về quan hệ con chung: Đồng ý giao 02 người con chung tên **Huỳnh Thái A**, sinh ngày 03 - 09 - 2005 và **Huỳnh Chí Đ**, sinh ngày 07 - 05 - 2008 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ng không đồng ý cấp dưỡng nuôi dưỡng con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Huỳnh Đức Ng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ thống nhất xét xử vắng mặt anh Ng, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Ng.

[2] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Đ xin được ly hôn với anh Huỳnh Đức Ng nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng đều xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng hai người không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại

khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng thống nhất xác định có 02 người con chung tên **Huỳnh Thái A**, sinh ngày 03 -09 - 2005 và **Huỳnh Chí Đ**, sinh ngày 07 - 05 - 2008, anh Ng đồng ý giao 02 người con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con), chị Đ không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn hợp pháp nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1, ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sư;

Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005891, ngày 20 - 6 - 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 01 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Đ, anh Ng có quyền đăng ký kết hôn mới theo quy định của luật hôn nhân & gia đình khi án có hiệu lực pháp luật. .

2- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng: Anh Ng đồng ý giao 02 người con chung tên **Huỳnh Thái A**, sinh ngày 03 - 09 - 2005 (theo nguyện vọng của con) và **Huỳnh Chí Đ**, sinh ngày 07 - 05 - 2008 (theo nguyện vọng của con) cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng.

Anh Ng quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4- Về quan hệ nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Đức Ng xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng, chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005891, ngày 20 - 6 - 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;

- VKS Huyện Châu Thành;

- THA Huyện Châu Thành;

- Các đương sự;

- Lưu.

Danh Pì Sách